

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại núi Nhông, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định” của Công ty TNHH Tổng hợp HTC
(Trữ lượng tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2020)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 33/GP-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Tổng hợp HTC;

Theo kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại phiên họp ngày 24/6/2020 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 763/TTr-STNMT ngày 24/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại núi Nhông, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định” do Công ty TNHH Tổng hợp HTC thực hiện, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 03ha, có tọa độ xác định tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp đã tính trong báo cáo:

- Trữ lượng đất làm vật liệu san lấp khu mỏ theo cấp 122:

+ Tổng trữ lượng đất san lấp: 112.456 m³.

+ Tổng khối lượng đất bóc: 7.544 m³.

3. Tổng tài nguyên đất san lấp cấp 333: 97.500 m³.

4. Hệ số nở rời đất san lấp: 1,228.

5. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt:

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đất bóc của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo của Quyết định này.

6. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

Cấp 122: trữ lượng đất san lấp là 112.456 m³ và khối lượng đất bóc là 7.544m³.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

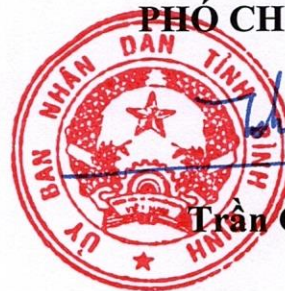
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ, Giám đốc Công ty TNHH Tổng hợp HTC và Thủ trưởng các đơn vị liên quan và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PCT UBND tỉnh: Trần Châu;
- Lưu: VT, K4. *me*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu

PHỤ LỤC I
TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG
SẢN TẠI NÚI NHÔNG, XÃ MỸ TRINH, HUYỆN PHÙ MỸ,
TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 3554/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh)



Hệ tọa độ VN-2000 (KKT 108°15', múi chiều 3°)		
Điểm	X(m)	Y(m)
1	1.572.939	587.692
2	1.572.906	587.828
3	1.572.779	587.820
4	1.572.720	587.719
5	1.572.768	587.626
Diện tích 03ha		

PHỤ LỤC II
THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN TẠI NÚI NHÔNG, XÃ MỸ
TRINH, HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 3554/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh)



1. Trữ lượng đất làm vật liệu san lấp khu mỏ theo cấp 122:

STT	Số hiệu khối – Cấp trữ lượng	Chiều sâu công trình (m)	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Diện tích khối trữ lượng (m ²)	Khối lượng đất bóc (m ³)	Trữ lượng đất làm vật liệu san lấp (m ³)
1	K1-122	4	+ 75,56	16.300	4.347	60.853
2	K2-122	4	+ 68,0	13.700	3.197	51.603
Tổng trữ lượng đất làm vật liệu san lấp cấp 122					7.544	112.456

2. Tài nguyên đất san lấp theo cấp 333:

STT	Số hiệu khối – Cấp trữ lượng	Chiều sâu trung bình tính tài nguyên (m)	Diện tích khối tài nguyên (m ²)	Tài nguyên đất làm vật liệu san lấp (m ³)
1	K1-333	3,3	30.000	97.500
Tổng tài nguyên đất làm vật liệu san lấp cấp 333 (m³)				97.500